FireAnt

CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (HNX: PSD)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,545
SL cổ phiếu LH	51,827,894
KLGD BQ 20 phiên (CP)	521,435
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	632
P/E	7.5
EPS	1,623

	YTD	1T	3T	6T
PSD	-0.7%	-9.6%	-1.5%	0.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

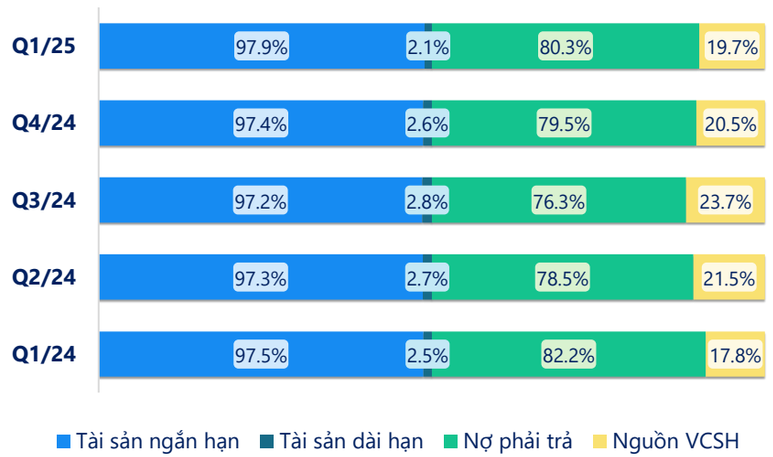

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

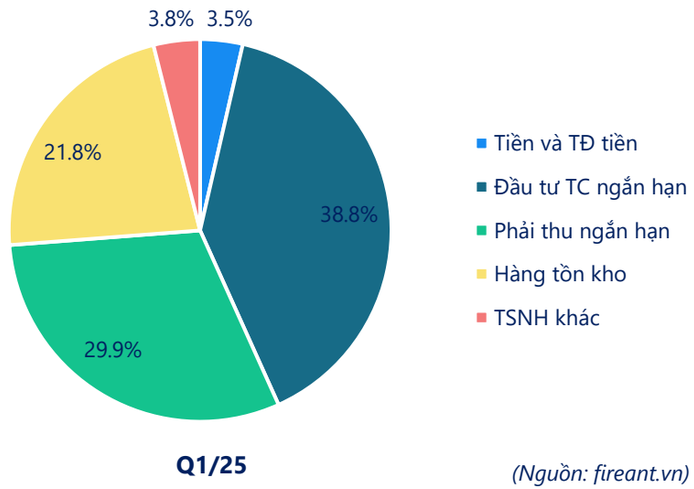

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

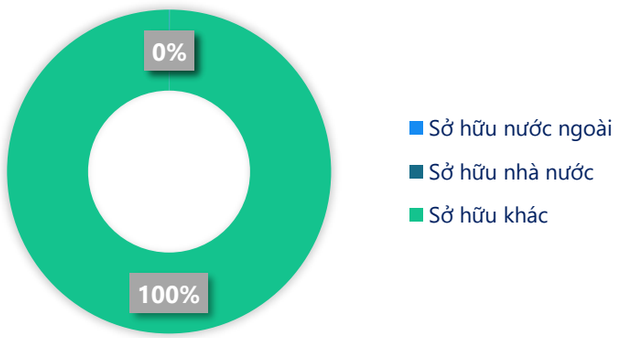

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

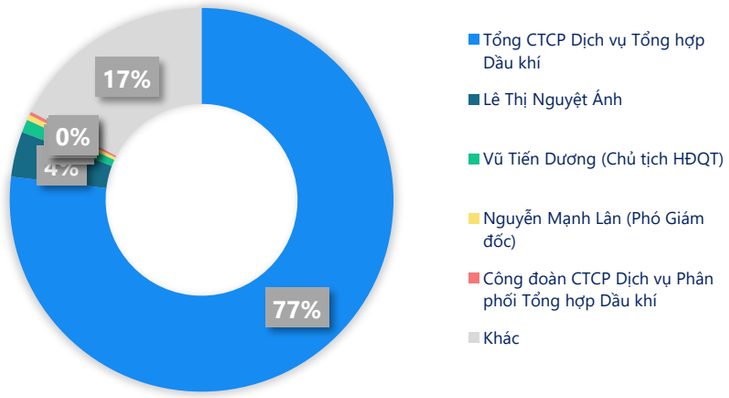

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

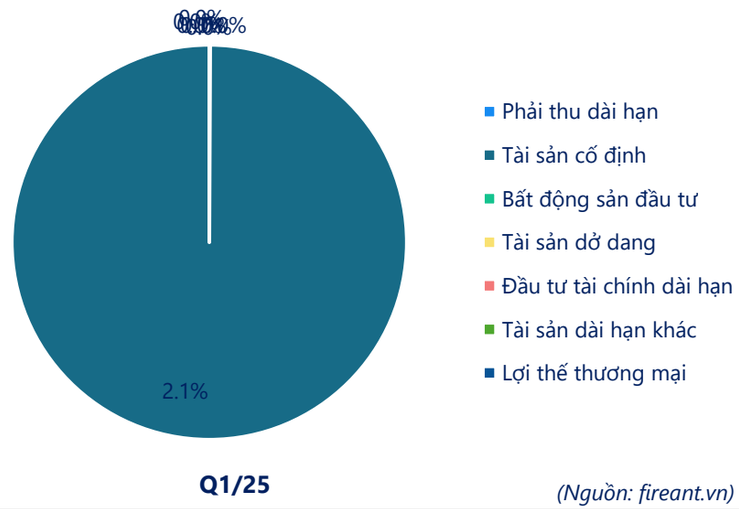

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (HNX: PSD)

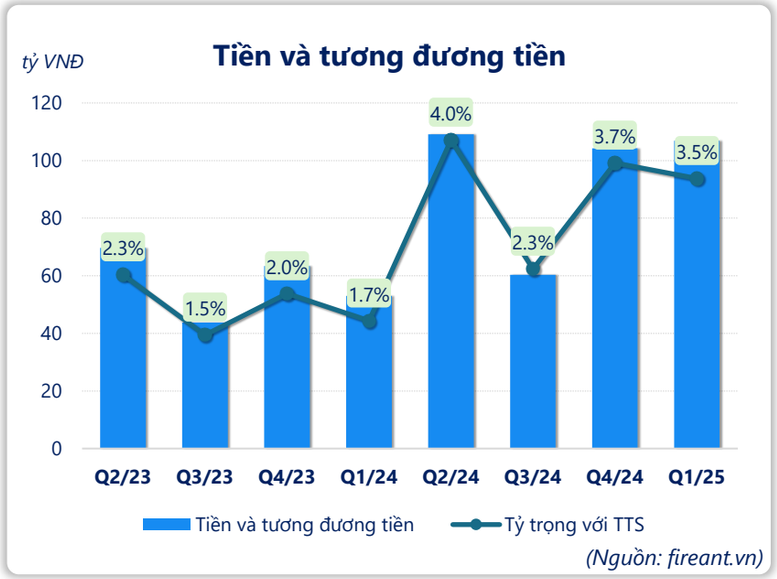

(Nguồn: fireant.vn)

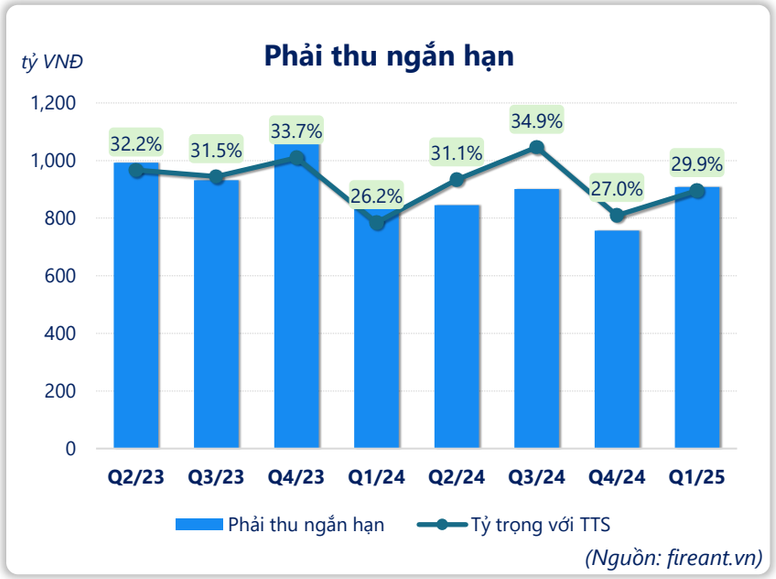

(Nguồn: fireant.vn)

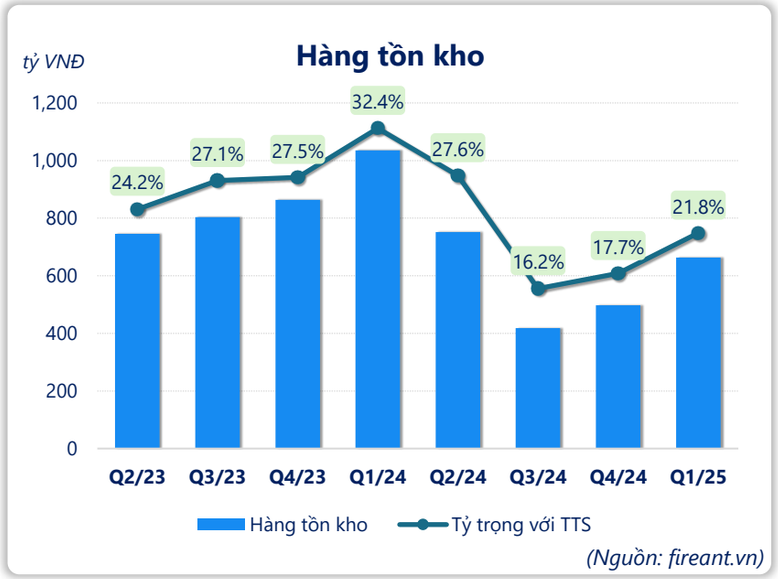

(Nguồn: fireant.vn)

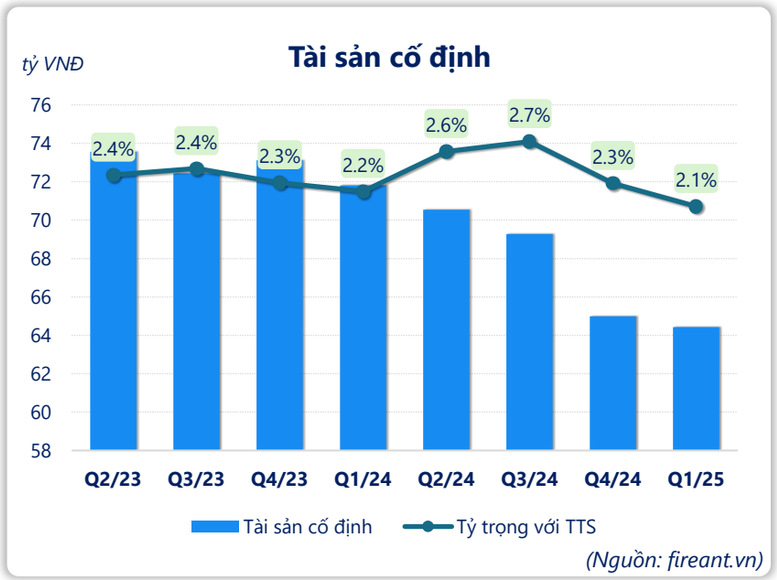

(Nguồn: fireant.vn)

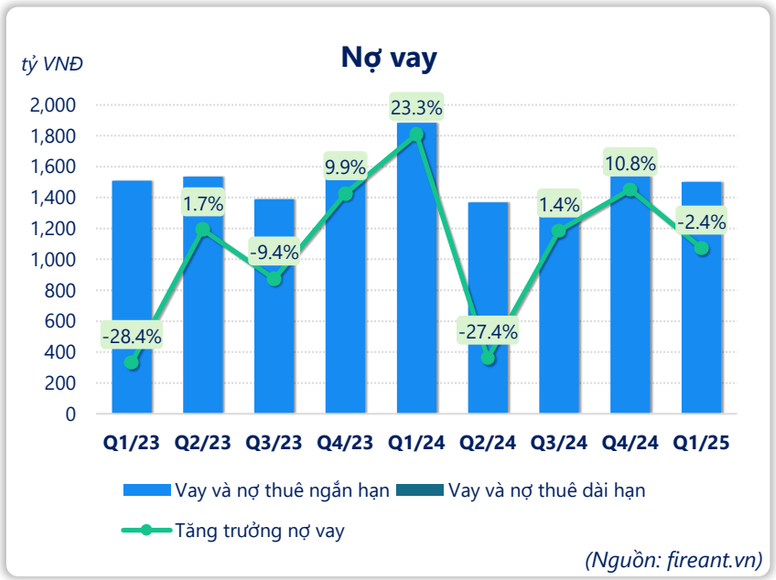

(Nguồn: fireant.vn)

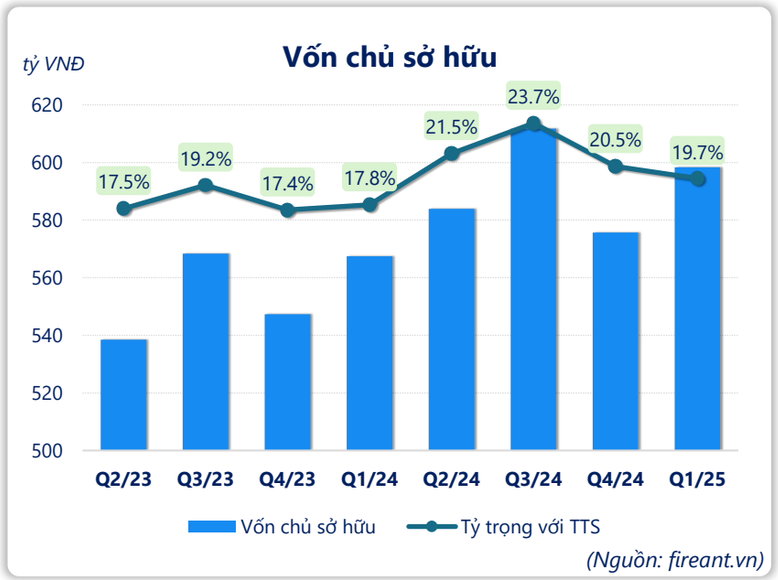

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (HNX: PSD)

Kết quả kinh doanh

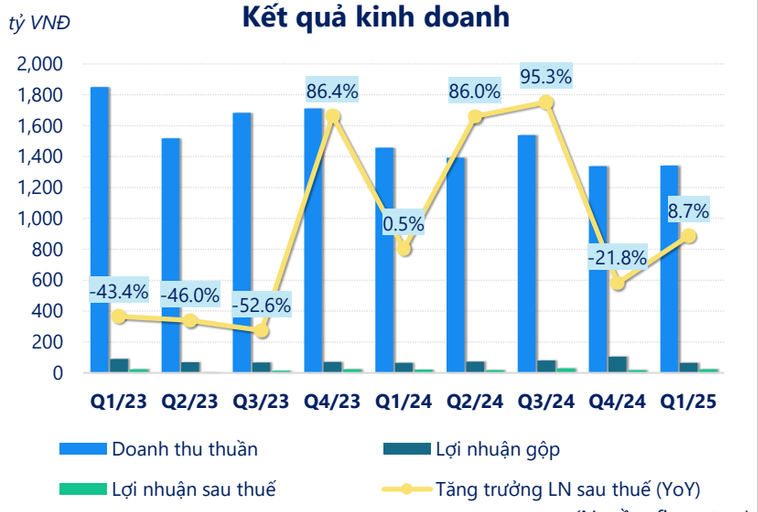

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

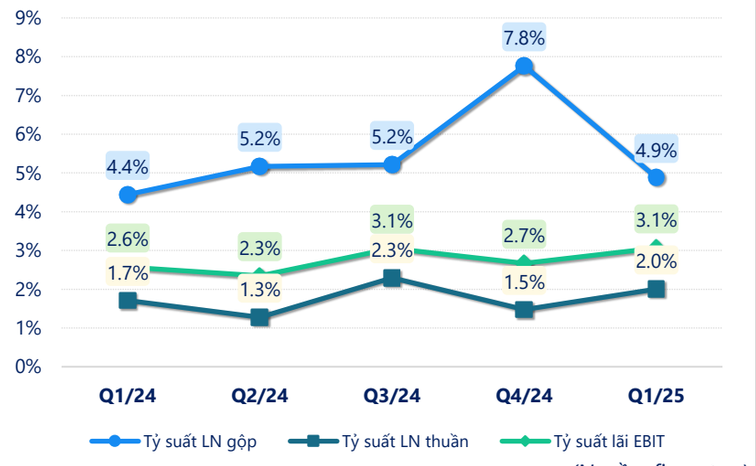

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

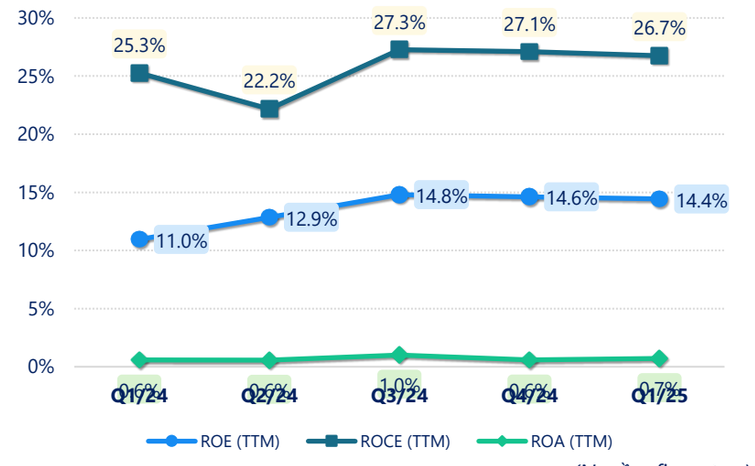

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

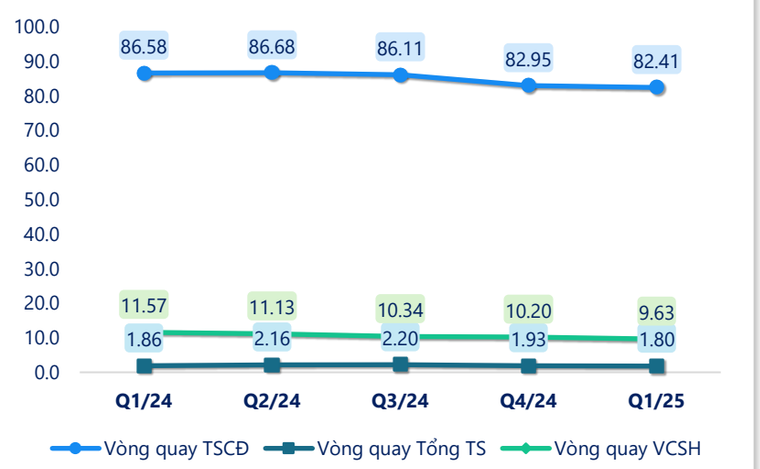

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

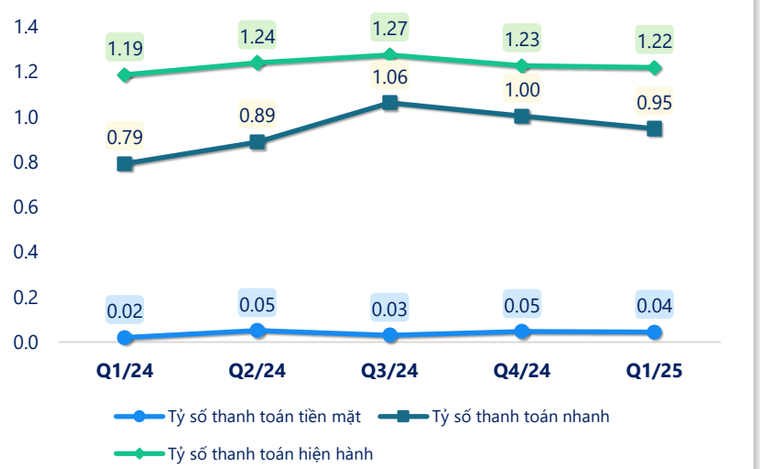

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

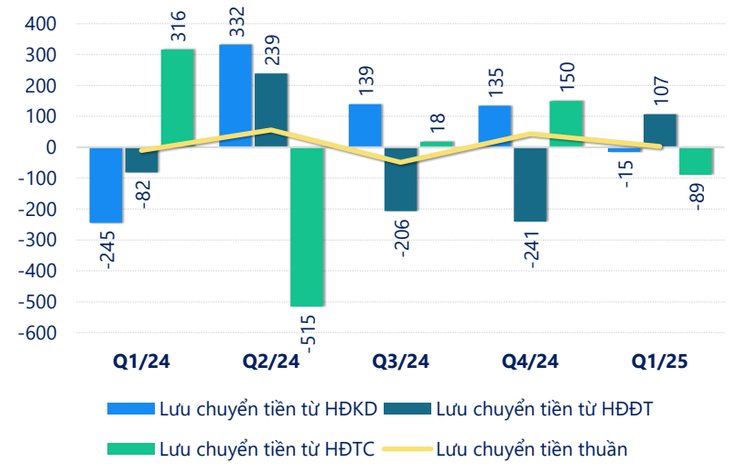

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (HNX: PSD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,040**	**2,790**	**8.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,976	2,725	9.2%
Tiền và tương đương tiền	107	104	2.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,181	1,271	-7.1%
Phải thu ngắn hạn	908	723	25.6%
Hàng tồn kho	663	526	26.2%
Tài sản ngắn hạn khác	117	101	16.1%
Tài sản dài hạn	**64.5**	**65.5**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0.05	0.04	7.8%
Tài sản cố định	64.4	65.5	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,442	2,214	10.3%
Nợ ngắn hạn	**2,440**	**2,212**	**10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,500	1,538	-2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	577	392	47.2%
Nợ dài hạn	2.18	2.28	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**598**	**576**	**3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**598**	**576**	**3.8%**
Vốn điều lệ	518	518	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,457	1,393	1,540	1,338	1,343
Giá vốn hàng bán	1,392	1,321	1,459	1,234	1,277
Lợi nhuận gộp	64.7	72.0	80.3	104	65.5
Doanh thu HĐTC	17.4	14.9	27.0	22.6	23.4
Chi phí TC	13.0	14.8	11.7	19.6	12.9
Chi phí lãi vay	12.1	11.6	11.3	13.6	13.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	35.8	39.5	46.5	68.9	38.4
Chi phí QLDN	8.37	14.8	13.8	18.3	10.7
LN thuần từ HĐKD	24.9	17.8	35.3	19.8	26.9
Lợi nhuận khác	0.50	3.35	0.40	2.28	1.14
LN trước thuế	25.4	21.1	35.7	22.0	28.1
Lợi nhuận sau thuế	20.1	16.5	27.9	17.5	22.1
LNST của CĐ cty mẹ	20.1	16.5	27.9	17.5	22.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-245	332	139	135	-15.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-82.0	239	-206	-241	107
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	316	-515	18.2	150	-89.2
Tiền đầu kỳ	63.4	53.0	109	60.4	104
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.4**	**56.1**	**-48.8**	**43.8**	**2.72**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.05	0
Tiền cuối kỳ	53.0	109	60.4	104	107

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic